TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-02-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Út Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Văn Nhạ

Bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà La Quỳnh Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1985 - Nơi thường trú: Thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên - Nơi ở hiện nay: Meineke S, 10719 B, Cộng hòa Liên Bang Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1997 - Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982 - Địa chỉ: Thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

(Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2025, nộp trực tiếp ngày 18/11/2025, bản tự khai, đơn đề nghị trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Thái Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã H, tỉnh Nghệ An) vào ngày 15/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên (Tổ dân phố C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

cũ). Quá trình chung sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, nhiều lần ông C đánh bà và phá đồ đạc trong gia đình. Mặc dù bà đã tha thứ và cố gắng nhẫn nhịn vì các con nhưng chỉ được một thời gian, mâu thuẫn lại tiếp diễn, vợ chồng lại tiếp tục cãi vã, xô xát.

Đến năm 2023, do không muốn tiếp tục chung sống với ông C, đồng thời để phát triển kinh tế gia đình nên bà đã đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Liên Bang Đ. Vì không còn tình cảm nên những lần bà gọi điện thoại cho ông C thì chỉ để hỏi thăm tình hình học tập của các con. Đầu năm 2024, vì các con đều đã có điện thoại riêng nên bà chủ động gọi cho các con mà không còn gọi điện thoại cho ông C nữa.

Nay bà thấy cách sống của hai bên không hợp nhau, mỗi người một nơi, tình cảm lạnh nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung, cắt đứt mọi liên lạc, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có nhu cầu hàn gắn nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung là Nguyễn Thái Thảo L, sinh ngày 24/9/2009 và Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Hiện nay, cả 02 cháu đang sinh sống cùng với ông C. Ly hôn, bà có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của các con. Trường hợp các con có nguyện vọng được sống cùng bà bà có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp con muốn sống cùng ông C, bà cũng nhất trí. Đồng thời, bà sẽ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 05 triệu/tháng/2 con cho đến khi con trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đề nghị không hòa giải và giải quyết trước các mốc thời hạn pháp luật quy định.

* Tại bản tự khai ngày 27/11/2025, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông xác nhận về quan hệ hôn nhân, thời điểm đăng ký kết hôn như bà T trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn do thiếu thốn về kinh tế, vợ chồng thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã, xô xát, có báo chính quyền thôn, công an xã đến hòa giải. Đến năm 2023, bà T đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đ đến nay chưa về. Ông và bà T không còn quan tâm đến nhau nữa, những lần bà T gọi điện thoại về nhà chỉ để hỏi thăm tình hình của các con. Nay bà T đã có nguyện vọng được ly hôn, hơn nữa vợ chồng xa cách đã nhiều năm, tình cảm không còn nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông C xác nhận vợ chồng có 02 con chung như trình bày của bà T. Hiện nay, cả 02 cháu đều đang sinh sống cùng ông, cháu L đang học tại Trường học lớp 11 Trường H - Thôn Ổ, Xã P, Thành phố Hà Nội, thỉnh thoảng

mới về nhà. Cháu Anh đang học lớp 1 - Trường Tiểu học N, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi cả 02 con và nhất trí với mức cấp dưỡng bà T đã nêu là 05 triệu/tháng/2con, trong đó, cháu L là 2.000.000 đồng/tháng, cháu A là 3.000.000 đồng/tháng. Trường hợp cháu L muốn sống cùng bà T, ông nhất trí để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Đối với cháu A, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương, lấy lời khai những người làm chứng nơi vợ chồng sinh sống, xác định:

Quá trình vợ chồng chung sống, ông Nguyễn Văn C và bà Thái Thị T có xảy ra mâu thuẫn, thỉnh thoảng có cãi vã, xô xát. Mâu thuẫn đã được báo với chính quyền thôn C, công an xã N đến để giải quyết, sau khi hòa giải, có biên bản sự việc nhưng do thất lạc không cung cấp được. Nguyên nhân mâu thuẫn đều trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Bà T đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài từ năm 2023 cho đến nay không trở về địa phương.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thái Thảo L, sinh ngày 24/9/2009 và Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường), hiện nay cả 02 cháu đều sinh sống cùng ông C tại thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên.

* Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Thái Thảo L trình bày:

Cháu là con của ông Nguyễn Văn C và bà Thái Thị T. Hiện nay cháu đang học lớp 11 Trường H tại xã P, Thành phố Hà Nội. Cháu đi học xa nhà thỉnh thoảng mới về nhà, hiện nay mẹ cháu vẫn gửi tiền chu cấp nuôi cháu ăn học. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn sống với mẹ. Cháu không có tài sản, thu nhập riêng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

***** Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, các bên đương sự đều vắng mặt có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Căn cứ khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Thái Thị T về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thái Thảo L, sinh ngày 24/9/2009 cho bà Thái Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Thái Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng đối với cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Đối với cháu Nguyễn Thái Thảo L, do bà T không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

- Về án phí: Giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Thái Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn với ông Nguyễn Văn C, ông C có nơi thường trú tại thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị T và ông Nguyễn Văn C chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là xã H, tỉnh Nghệ An) vào ngày 15/12/2008 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 080/2008 ngày 15/12/2008 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thiếu thốn về kinh tế dẫn đến cãi vã, có xảy ra xô

xát. Mâu thuẫn đã được báo với chính quyền thôn, công an đến giải quyết vài lần nhưng sau đó vẫn tiếp diễn. Mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2023, bà T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hai bên đều xác nhận vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thái Thảo L, sinh ngày 24/9/2009 và Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 (các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường). Hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi và đề nghị Tòa án xét đến nguyện vọng của con.

Qua xác minh về hoàn cảnh kinh tế, thu nhập của ông C, bà T, xác định ông C hiện đang sống tại thôn C, xã N, tỉnh Thái Nguyên, có nhà riêng 02 tầng, làm nông nghiệp, thu nhập hàng tháng không tính được cụ thể. Bà T đi xuất khẩu lao động tại CHLB Đ, có thu nhập hàng tháng ổn định, vẫn gửi chi phí để nuôi dưỡng các con. Cháu L đã lớn, không cần người chăm sóc sinh hoạt hàng ngày, hiện đang đi học xa nhà, thỉnh thoảng mới về sinh sống cùng ông C, cháu vẫn được bà T chu cấp chi phí sinh hoạt, học tập đầy đủ, đồng thời xét nguyện vọng của cháu muốn sống cùng với mẹ nên việc giao cháu L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp.

Cháu Nguyễn Thảo A còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc hàng ngày, hiện đang sinh sống cùng ông C, luôn được sự quan tâm, chăm sóc tốt từ bố. Bà T đang ở nước ngoài, không có thời gian để chăm sóc cho cháu A. Do đó việc giao cháu A cho ông Cương trực T2 nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông C yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 với mức cấp dưỡng hàng tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Đây cũng là ý kiến của bà T trong trường hợp con được giao cho ông Cương trực T2 nuôi dưỡng. Xét đây là nguyện vọng của hai bên đương sự, có căn cứ và phù hợp, do đó cần chấp nhận yêu cầu của ông C.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238, 266, 271, 273 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 24; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị T đối với ông Nguyễn Văn C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 080/2008 ngày 15/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã, huyện Y, tỉnh Nghệ An (nay là UBND xã H, tỉnh Nghệ An).

1.2. Về con chung:

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thái Thảo L, sinh ngày 24/9/2009 cho bà Thái Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 cho ông Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn bà Thái Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng đối với cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 20/8/2019 với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng của bà Thái Thị T theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đối với cháu Nguyễn Thái Thảo L, sinh ngày 24/9/2009 do đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con chung và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thái Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với phần nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung công quỹ Nhà nước.

Xác nhận bà T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002540, ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Bà T còn phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Bà Thái Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 8 - Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã H, tỉnh Nghệ An (Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Út Lệ